

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các chương trình trọng điểm 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020

Thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, trong đó đề ra 04 chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm, gồm: Chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện, Chương trình xây dựng nông thôn mới – giảm nghèo bền vững, Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo và Chương trình cải cách hành chính (nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức); UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 để triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, trong đó phân công nhiệm vụ và tập trung thực hiện 04 chương trình trọng điểm. Kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2020, cụ thể như sau:

A. Kết quả tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm 2020

I. Chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Ban hành Kế hoạch số 178/KH-UBND về triển khai thực hiện chương trình trọng điểm phát triển nông nghiệp toàn diện năm 2020.

2. Kết quả đạt được

- Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2020 là 187,27 tỷ đồng (giá cố định 2010), đạt 44% so với kế hoạch năm, bằng 102,4% so với cùng kỳ.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt là 2.703,5/4.500 tấn, đạt 60,1% kế hoạch cả năm (trong đó lúa 1.962 tấn; ngô 741,5 tấn).

- Các loại cây hoa màu đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Cây sắn đã trồng 609,5/600ha KH, đạt 101,6% so với KH; các loại cây có củ khác gieo trồng 109,7/108,5 ha, đạt 101,1% KH; cây đậu các loại trồng được 125,4/160ha, đạt 78,4% KH; rau các loại gieo trồng là 190,8/222ha, đạt 85,9% KH.

- Công tác cải tạo, chăm sóc vườn đã tổ chức 62 cuộc họp triển khai cấp xã và 153 cuộc họp cấp thôn về chuyên đề lập vườn. Kết quả thực hiện có 3.420 lượt hộ hưởng ứng, trong đó có 217 hộ trồng mới, 845 hộ cải tạo, 2.368 hộ chăm sóc; lập vườn mẫu có 96 vườn với diện tích 14.590 m². Dự án trồng Cam đã trồng mới 9,47 ha/62 hộ và dân đã đăng ký 21,14 ha/108 hộ (chưa trồng); trồng được 17,5ha chuối các loại (chủ yếu là dân tự trồng, dự án chuối đang triển khai, chưa trồng); trồng mới gần 7,5ha các loại cây khác như ổi, bưởi, mít, cau,...

- Cây cao su diện tích hiện có 2.497ha. Diện tích đưa vào khai thác năm 2020 là 2.450 ha; sản lượng khai thác đến nay ước đạt 3.000 tấn mù nước, đạt 26% KH.

- Tổng đàn bò có 2.750 con, giảm 50 con so với cùng kỳ năm trước, trong đó bò lai sind có 1.950 con. Đàn trâu hiện có 1.650 con. Tổng đàn lợn đã nuôi được 7.753 con; đàn lợn nái hiện có 810 con, giảm 200 con so với cùng kỳ. Tổng đàn gia cầm hiện có hơn 165.000 con, tăng 5.000 con so với cùng kỳ; trong đó gà 150.800 con, chiếm 91,4% so tổng đàn gia cầm.

- Nuôi cá nước ngọt: Diện tích đã thả nuôi 58/60 ha; sản lượng khai thác và đánh bắt ước đạt 60 tấn, đạt 24% kế hoạch.

- Đã tiêm phòng Vaccine tụ huyết trùng trâu bò 1.800/3000 liều đạt 60%; Vaccine tam liên lợn 1.900/2.500 liều, đạt 76%. Vaccine Đại chó 1.440/1850 liều đạt 77,84%. Bệnh dịch tả lợn Châu Phi đã được khống chế. Đã cấp 200 lít hóa chất Bencocid cho các trang trại, nhân dân tự tiêu độc. Thường xuyên tiêu độc khử trùng các nơi nguy cơ cao như các lò giết mổ, các điểm mua bán động vật và sản phẩm động vật, các chợ bán gia súc, gia cầm 1 tháng 2 lần và đột xuất.

- Đã trồng trồng được gần 500 ha rừng sau khai thác, 2.000 cây phân tán. Triển khai Đề án làm giàu rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ, tổ chức tuyên truyền chính sách, đăng ký kế hoạch, khảo sát nguồn giống cây bản địa để hỗ trợ các cộng đồng, nhóm hộ xây dựng vườn ươm. Đã trồng được 30/100 ha, đạt 30% kế hoạch cả năm (trồng mây tại xã Thượng Lộ từ nguồn kinh phí của Dự án Trường Sơn Xanh); tuy nhiên kinh phí của Đề án phát triển LSNG từ nguồn ngân sách huyện tạm dừng nên khó để hoàn thành kế hoạch.

3. Những hạn chế và nguyên nhân

- Công tác tuyên truyền, vận động, phát động phong trào sản xuất chưa đi vào chiều sâu, thiếu cụ thể và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp trong bối cảnh hiện nay. Kinh tế vườn đã có sự chuyển biến nhưng không đồng đều giữa các xã; công tác đầu tư giống, phân bón và thâm canh còn yếu, nhất là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

- Giá cả đầu ra của sản phẩm nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, khó tiêu thụ; giá thu mua mủ cao su vẫn còn thấp đã ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn thu nhập của người nông dân; từ đó việc đầu tư vào phát triển sản xuất hạn chế; cây cao su vẫn còn một số diện tích khai thác không đúng kỹ thuật làm giảm chất lượng, năng suất và tuổi thọ vườn cây.

- Công tác tổ chức sản xuất chưa được đổi mới; sản xuất chủ yếu theo hình thức nông hộ, nhỏ lẻ, thiếu liên kết từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số xã đối với sản xuất nông nghiệp chưa quyết liệt, thiếu kiểm tra, đôn đốc.

II. Chương trình xây dựng nông thôn mới – giảm nghèo bền vững

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Ban hành Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 26/12/2019 về việc triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) năm 2020; Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 26/12/2019 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững năm 2020 theo hướng tiếp cận đa chiều; Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 về việc giao chỉ tiêu thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM các xã năm 2020.

2. Công tác tuyên truyền và phát động phong trào thi đua

Chỉ đạo UBND các xã, các cơ quan, ban, ngành và các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách, bộ tiêu quốc gia, các hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng NTM mới; trách nhiệm của Nhà nước và của người dân đối với công tác xây dựng NTM.

Qua tuyên truyền và phát động phong trào thi đua đã có 180 hộ đầu tư làm nhà ở (*Trong đó: làm mới 112 nhà; nâng cấp, sửa chữa: 68 nhà*); 97 hộ xây dựng hố xí hợp vệ sinh; cứng hóa sân nhà 46 hộ; cứng hóa đường từ ngõ vào nhà 36 hộ; chỉnh trang, sửa chữa và làm mới hàng rào 3076 hộ; 182 hộ hiến đất với diện tích 27.330 m² để làm các công trình; huy động được 10.356 ngày công lao động để chỉnh trang đường làng, ngõ xóm, làm các công trình công cộng, thực hiện ngày Chủ nhật xanh; có 45/55 thôn đã thực hiện lắp đặt chiếu sáng các tuyến đường trục thôn, xóm.

3. Kết quả đạt được chương trình xây dựng NTM

3.1. Huy động nguồn vốn và bố trí xây dựng công trình thiết yếu

Tổng nguồn lực đã huy động đầu tư 6 tháng đầu năm của các xã là 113,726 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư 52,126 tỷ đồng (*Ngân sách Trung ương, tỉnh 45,415 tỷ đồng, Ngân sách huyện 6,711 tỷ đồng*); vốn doanh nghiệp và nhân dân đầu tư là 61,6 tỷ đồng.

Bố trí vốn thực hiện các công trình thiết yếu: Giao thông với tổng mức đầu tư được duyệt 22,045 tỷ đồng (Đường sản xuất thôn 3, đường sản xuất Khe Môn, đường bê tông thôn 3, đường sản xuất thôn 6, nâng cấp đường trục thôn 6, đường sản xuất Thượng Nhật - Hương Hòa, đường sản xuất thôn 7, đường bê tông thôn Ta Rung, đường liên thôn Ka Tư, đường bê tông cụm 5 thôn 11, nâng cấp đường trục thôn 10, thôn 11 và các hạng mục khác). Giáo dục với kinh phí 0,46 tỷ đồng, bao gồm: sửa chữa trường mầm non Thượng Long và trường THCS bán trú Long Quảng. Thủy lợi với kinh phí đã bố trí vốn 19,542 tỷ đồng, bao gồm 08 hạng mục: nâng cấp sửa chữa hồ Ta Rình, hồ Ka Tư (*dự án WB8*) và các hạng mục sửa chữa thủy lợi xã Hương Hữu, Thượng Long, Thượng Nhật, Hương Sơn. Nhà văn hóa xã Hương Hữu với kinh phí 2,5 tỷ đồng. Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khác 3,752 tỷ đồng.

3.2. Kết quả thực hiện 19 tiêu chí 6 tháng đầu năm (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ):

- Tiêu chí cấp huyện: Đạt 8/9 tiêu chí (Quy hoạch; Giao thông; Thủy lợi; Điện; Y tế, văn hóa, giáo dục; Môi trường; An ninh trật tự; Chỉ đạo xây dựng NTM). Chưa đạt 01 tiêu chí: liên kết sản xuất.

- Tiêu chí cấp xã: Hương Xuân, Thượng Quảng, Thượng Lộ đạt 19/19 tiêu chí. Xã Hương Phú, Hương Lộc, Thượng Nhật đạt 18/19 tiêu chí, trong đó: xã Hương Phú chưa đạt tiêu chí trường học (trường TH và THCS Nam Phú chưa đạt QG); xã Hương Lộc Hình thức TCSX (HTX tạm ngưng hoạt động); xã Thượng Nhật nhà ở dân cư (nhà tạm 26 nhà). Xã Hương Sơn 16/19 tiêu chí, 03 tiêu chí chưa đạt gồm: Nhà ở (còn 04 nhà tạm), TCSX (chưa có HTX), CSVCVH (thôn A2 chưa có nhà văn hóa). Xã Hương Hữu, Thượng Long đạt 12/19 tiêu chí, trong đó: xã Hương Hữu các tiêu chí chưa đạt gồm: Nhà ở (60 nhà tạm); thu nhập

(27,1/33 tr.đ); hộ nghèo (17,94/5%); TCSX (chưa có HTX); giáo dục (lao động qua đào tạo 27,7/40%); y tế (thấp còi 25,5/24,2%); môi trường và ATTP (Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (69/85%); xã Thượng Long các tiêu chí chưa đạt gồm: Trường học (trường MN chưa đạt chuẩn QG); Nhà ở (68 nhà tạm); thu nhập (31,4/33 tr.đ); hộ nghèo (120 hộ); y tế (thấp còi 34,3/24,2%); giáo dục (lao động qua đào tạo 27,4/40%); hệ thống chính trị và TCPL (01 cán bộ Hội CCB chưa đạt chuẩn).

3.3. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu (đối với xã đã đạt chuẩn NTM)

- Xã Hương Xuân, Hương Phú, Hương Lộc đạt 3/4 tiêu chí. Trong đó xã Hương Xuân tiêu chí chưa đạt là Sản xuất - Thu nhập (41,34/49,5 trđ) - Hộ nghèo (1,18/0%), Xã Hương Phú tiêu chí chưa đạt là Sản xuất - Thu nhập (41,5/49,5 trđ) - Hộ nghèo (0,79/0%), Xã Hương Lộc tiêu chí chưa đạt là Sản xuất (HTX) - Thu nhập (43/49,5 trđ) - Hộ nghèo (0,64/0%).

- Xã Hương Sơn: đạt 2/4 tiêu chí. Tiêu chí chưa đạt gồm: Sản xuất (HTX) - Thu nhập (35/49,5 trđ) - Hộ nghèo (2,25/0%); Môi trường (hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh).

3.4. Kết quả thực hiện xây dựng thôn NTM kiểu mẫu

- Có 04 thôn đạt 5/6 tiêu chí, gồm: Thôn 9, xã Hương Xuân đạt 5/6 tiêu chí; tiêu chí chưa đạt là: Thu nhập (46,3/49,5trđ). Thôn 10, xã Hương Xuân: đạt 5/6 tiêu chí; tiêu chí chưa đạt là: Thu nhập (44,2/49,5trđ). Thôn Phú Nam, xã Hương Phú đạt 5/6 tiêu chí; tiêu chí chưa đạt là: Thu nhập (35,39/49,5trđ). Thôn 7, xã Thượng Quảng đạt 5/6 tiêu chí; tiêu chí chưa đạt là: Thu nhập (40/49,5trđ).

- Có 02 thôn đạt 4/6 tiêu chí, gồm: Thôn Ta Rung, xã Hương Sơn đạt 4/6 tiêu chí, các tiêu chí chưa đạt gồm: Thu nhập; Hộ nghèo. Thôn 3, xã Hương Lộc đạt 4/6 tiêu chí; tiêu chí chưa đạt là: Thu nhập (42/49,5trđ); Hộ nghèo (0,47/0%).

- Có 02 thôn đạt 2/6 tiêu chí, gồm: Thôn Phú Nhuận, xã Hương Xuân đạt 2/6 tiêu chí, tiêu chí chưa đạt là: Thu nhập; Hộ nghèo; Giáo dục, Y tế, Văn hóa; An ninh, trật tự xã hội. Thôn Bha Bhar, xã Hương Sơn đạt 2/6 tiêu chí, các tiêu chí chưa đạt gồm: Thu nhập; Hộ nghèo; Nhà ở, vườn hộ gia đình, hàng rào, công ngõ; Giáo dục, Y tế, Văn hóa.

3.5. Một số tồn tại, hạn chế đối với Chương trình NTM

- Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã; Ban phát triển thôn ở một số xã vẫn chưa phát huy đầy đủ tinh thần, trách nhiệm trong nhiệm vụ xây dựng NTM; công tác vào cuộc tuyên truyền của Mặt trận, các đoàn thể cấp huyện, xã chưa thực sự rõ nét, chưa tập trung vận động nhân dân thực hiện các tiêu chí thuộc về trách nhiệm của địa phương và của nhân dân (như: xóa nhà tạm, giảm nghèo, chuyển đổi sản xuất, nâng cao thu nhập, chỉnh trang hàng rào, môi trường trong chăn nuôi...).

- Các xã tuy có Kế hoạch, có phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ đạo nhưng còn thiếu kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện theo Kế hoạch đã xây dựng và chưa đánh giá trách nhiệm, nhiệm vụ của cán bộ được phân công.

- Công tác tuyên truyền, vận động, phát động phong trào ở các xã tuy có tổ chức nhưng nhìn chung chỉ dừng lại ở các đợt phát động phong trào, chưa duy trì

thường xuyên ở các thôn bản (chỉ có Phong trào Ngày Chủ nhật Xanh được duy trì; các phong trào chỉnh trang nhà ở, chuồng trại, thi đua phát triển kinh tế, phát triển sản xuất còn hạn chế đặc biệt ở các xã ĐCĐC).

- Hệ thống nước sạch 05 xã vùng trên chậm được đầu tư ảnh hưởng đến tiêu chí Môi trường - ATTP và đời sống sinh hoạt, phát triển kinh tế của người dân.

- Sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ; Hợp tác xã hoạt động chưa hiệu quả nên chưa tạo ra vùng sản xuất tập trung, chưa tạo ra sản phẩm chủ lực của từng địa phương, chưa tạo ra chuỗi liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện xây dựng xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, thôn kiểu mẫu chậm tiến độ, chưa đạt theo Kế hoạch đề ra.

4. Kết quả đạt được Chương trình giảm nghèo bền vững

4.1. Chương trình 135: Từ đầu năm đến nay, từ nguồn vốn chương trình 135 đã đầu tư cơ sở hạ tầng với kinh phí 1,1 tỷ đồng, trong đó: Công trình đường dân sinh thôn 4, thôn 7 xã Hương Hữu với kinh phí 550 triệu đồng, đến nay đã thi công đạt tiến độ 50% kế hoạch; Công trình đường bê tông thôn 6 xã Thượng Long với kinh phí 550 triệu đồng, đến nay đã thi công đạt tiến độ 40% kế hoạch. Sửa chữa kênh mương thôn A Xăng và A Gôn xã Thượng Long với kinh phí 165 triệu đồng.

4.2. Chính sách theo Quyết định 2085/QĐ-TTg: Thực hiện hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán theo Quyết định 2085/QĐ-TTg cho 45 hộ với kinh phí 67,5 triệu đồng và chuyển đổi nghề cho 27 hộ với kinh phí 135 triệu đồng.

4.3. Chính sách tín dụng ưu đãi: Đã giải ngân 25.762 triệu đồng cho 629 hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn, trong đó: Hộ nghèo 1.215 triệu đồng cho 30 lượt hộ vay; Hộ cận nghèo 875 triệu đồng cho 20 lượt hộ vay; Hộ thoát nghèo theo Quyết định 28 là 12.335 triệu đồng cho 265 lượt hộ vay; Học sinh sinh viên 157 triệu đồng cho 09 sinh viên được vay; Vốn vay giải quyết việc làm 2.925 triệu đồng cho 61 lao động vay; Các đối tượng chính sách khác 8.255 triệu đồng cho 244 lượt vay.

4.4. Hỗ trợ về giáo dục

a) Thực hiện chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP: Đã thực hiện chi trả cho 1.033 lượt đối tượng với tổng kinh phí là 240,985 triệu đồng, trong đó: Miễn giảm, học phí: Số lượt đối tượng được miễn, giảm học phí: 389 đối tượng; Kinh phí miễn, giảm học phí: 21,985 triệu đồng. Hỗ trợ chi phí học tập: Số lượt đối tượng được hỗ trợ 644 đối tượng; Kinh phí được hỗ trợ 219 triệu đồng.

b) Chính sách hỗ trợ học sinh vùng có ĐKKT XH khó khăn: Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho các cháu mầm non 283,1745 triệu đồng cho 543 cháu. Kinh phí thực hiện chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện đi học tập cho học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo và cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 42: 01 đối tượng với kinh phí là 4,56 triệu đồng.

4.5. Chính sách hỗ trợ về y tế: Đã tổ chức khám chữa bệnh cho 1.794 lượt hộ nghèo, cận nghèo và dân tộc thiểu số với tổng kinh phí là 542,753 triệu đồng. Hỗ trợ tiền ăn cho người nghèo chữa bệnh nội trú cho 25 lượt với tổng kinh phí

7,196 triệu đồng. Từ đầu năm đến nay, đã cấp 933 thẻ BHYT cho người nghèo và hỗ trợ mua thẻ BHYT cho 259 người cận nghèo.

4.6. Chính sách hỗ trợ nhà ở: Chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo là một trong những chương trình trọng điểm nhằm tạo điều kiện giúp cho hộ nghèo gặp khó khăn về nhà ở sớm ổn định cuộc sống, trong 06 tháng đầu năm với kinh phí của Quỹ “Vì người nghèo” huyện và các tổ chức, cá nhân đã hỗ trợ xây dựng mới 04 nhà với tổng số tiền là 80 triệu đồng.

4.7. Chính sách An sinh xã hội: Đã tổ chức chi trả trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng cho 4.933 lượt đối tượng với tổng kinh phí hỗ trợ 1.949,265 triệu đồng; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo Quyết định 28/QĐ-TTg cho 317 hộ nghèo với tổng kinh phí thực hiện là 20,404 triệu đồng.

4.8. Công tác chăm sóc đời sống người nghèo, cận nghèo trong dịp Tết Nguyên đán: Tổ chức tặng 5.335 xuất quà với tổng trị giá 1.470,195 triệu đồng; trích nguồn ngân sách huyện mua 1.095 kg gạo cấp cho 47 hộ (172 khẩu) có khả năng thiếu gạo ăn trong dịp Tết Nguyên đán với kinh phí 14,29 triệu đồng.

4.9. Chương trình nhân rộng mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất: Đã hỗ trợ cho 30 hộ (1con bò/hộ) chăn nuôi bò với tổng kinh phí 600 triệu đồng, trong đó: Xã Hương 21 hộ/21 con bò với kinh phí 350 triệu đồng, xã Thượng Long 09 hộ/9 con bò với kinh phí 150 triệu đồng.

4.10. Công tác truyền thông giảm nghèo: Đã phối hợp với Phòng BTXH Sở Lao động – TBXH tổ chức 03 hội nghị truyền thông giảm nghèo gắn với xuất khẩu lao động có 110 người tham gia, qua đó có 06 lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng.

4.11. Công tác hỗ trợ người bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid – 19: Đã thực hiện chi trả hỗ trợ kịp thời đến 3.966 đối tượng ở các xã, thị trấn với tổng kinh phí là 3.963 triệu đồng. Riêng đối với các đối tượng còn lại hiện đang thẩm định hồ sơ để trình UBND tỉnh phê duyệt.

III. Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

1. Công tác lãnh, chỉ đạo triển khai thực hiện

Đã ban hành kế hoạch số 179/KH-UBND về triển khai thực hiện chương trình trọng điểm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo năm 2020, đồng thời tập trung chỉ đạo các ngành và các địa phương triển khai thực hiện.

2. Phát triển mạng lưới trường, lớp, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục; đẩy mạnh xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, xã hội hóa học tập

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang cấp trang thiết bị dạy và học với mục tiêu hiện đại hóa, đồng bộ hóa. Tiếp tục hoàn thiện xây dựng cơ sở vật chất đối với Trường Tiểu học Thị trấn Khe Tre, Trường Mầm non Hoa Đỗ Quyên và Trường Mầm non Thượng Long. Sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung trang thiết bị trường học với kinh phí trên 8 tỷ đồng để đảm bảo cơ sở vật chất cho hoạt động dạy và học trong năm học mới và giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia.

3. Kết quả đạt được

3.1. Công tác số lượng

a) Ngành học Mầm non:

- Nhà trẻ: Huy động 545 cháu, đạt tỷ lệ 41,6% (chỉ tiêu >41%). Cháu dân tộc thiểu số huy động được 286 cháu, đạt tỷ lệ 42,7%.

- Mẫu giáo: Huy động được 1.745 cháu, đạt tỷ lệ 98,87% (chỉ tiêu trên 98%). Cháu dân tộc thiểu số huy động được 845 cháu, đạt tỷ lệ 99,29%.

- Riêng cháu 5 tuổi huy động được 620 cháu, đạt tỷ lệ: 99,84 (chỉ tiêu trên 99%). Trẻ 5 tuổi dân tộc thiểu số huy động được 317 cháu, đạt tỷ lệ 99,68%.

- Số nhóm lớp học 2 buổi ngày có 85 nhóm lớp, đạt tỷ lệ 100%.

- Số nhóm lớp học bán trú là 85 nhóm lớp, đạt tỷ lệ 100%.

b) Giáo dục Tiểu học:

- Huy động được: 2.502 học sinh, đạt tỷ lệ: 100% (chỉ tiêu 99%), trong đó học sinh 6 tuổi huy động vào lớp 1 là 554.

- Số trường dạy 2 buổi/ngày có 11/11 trường với 107 lớp, đạt tỷ lệ 100%. Tổng số học sinh học 2 buổi/ ngày 2.502 em, đạt tỷ lệ 100%.

c) Giáo dục THCS: Huy động được 1518 em đạt tỷ lệ 98,6% (chỉ tiêu 98%). Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp TH vào lớp 6 là 418 em, đạt tỷ lệ 98,8%.

d) Giáo dục THPT: Huy động được 628 em, đạt tỷ lệ 96,6%, (Chỉ tiêu 95%). Riêng lớp 10 huy động được 240 em, đạt tỷ lệ 93,4%.

e) Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: Huy động 10 lớp gồm 128 học viên, trong đó: Xóa mù chữ 5 lớp có 65 học viên; Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ 2 lớp có 23 học viên; PCGD BTTHPT 3 lớp có 38 học viên.

Tổng số học sinh bỏ học giữa chừng đến nay là 46 em (TH 03 em, THCS 40 em, THPT 03 em), giảm 31 em so với năm học trước.

3.2. Chất lượng giáo dục: Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, học sinh phải nghỉ học ở nhà để phòng, chống dịch. Ngày 27/4 học sinh trung học, ngày 04/5 học sinh mầm non, tiểu học đã trở lại trường học tập. Theo kế hoạch sẽ kết thúc năm học vào ngày 15/7/2020 nên chưa có kết quả chất lượng giáo dục.

4. Tồn tại, hạn chế

- Số lượng học sinh bỏ học giữa chừng có giảm so với năm học trước, nhưng số lượng học sinh tiểu học bỏ học tăng.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, học sinh phải nghỉ học ở nhà, không tổ chức các cuộc thi nên chất lượng giáo dục có phần hạn chế, không có thành tích như những năm trước.

- Tạm dừng thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2021 do học sinh nghỉ học phòng chống dịch Covid-19.

IV. Chương trình cải cách hành chính (Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức)

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và viên chức

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của UBND tỉnh và chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng của Đề án, Huyện ủy, UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2020 cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trên cơ sở kế hoạch chung, các cơ quan, đơn vị đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cụ thể cho cơ quan, đơn vị.

- Về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: Huyện ủy và UBND huyện đã cử 47 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (Huyện ủy đã cử 30 lượt cán bộ, công chức và UBND huyện cử 17 lượt cán bộ, công chức, viên chức).

- Về đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị: Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đã mở 04 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ với 214 lượt cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên tham gia.

2. Công tác tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng

Huyện ủy, UBND huyện không thực hiện việc tuyển dụng công chức, viên chức mà chủ yếu tập trung vào giải quyết các chế độ, chính sách và sắp xếp, tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị.

3. Công tác nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức

Huyện ủy đã tổng hợp kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và tập thể lãnh đạo, quản lý năm 2019. UBND huyện tổng hợp kết quả nhận xét, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức năm 2019 báo cáo Sở Nội vụ; triển khai việc đánh giá, chấm điểm quý I, quý II theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của UBND tỉnh.

4. Công tác đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái và chuyển đổi vị trí công chức, viên chức

- Huyện ủy: Thực hiện quy trình bầu bổ sung 01 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy nhiệm kỳ 2015-2020 và đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định bổ sung 01 đồng chí Ban Thường vụ Huyện ủy nhiệm kỳ 2015-2020; thực hiện quy trình luân chuyển, điều động, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại 17 trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý: luân chuyển 04 trường hợp, điều động 8 trường hợp, bổ nhiệm 03 trường hợp và bổ nhiệm lại 02 trường hợp; quyết định và điều động 01 cán bộ làm kế toán khối Mặt trận - Đoàn thể và cử cán bộ phụ trách Hội Nông dân huyện.

- UBND huyện: Tiếp nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với 07 Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương; cử 01 lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện kiêm Giám đốc Trung tâm Hành chính công huyện; điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với 09 Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường học thuộc thẩm quyền quản lý; điều động, xét chuyển và bố trí công tác đối với 18 cán bộ, công chức đến công tác tại xã Hương Xuân; điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với 02 công chức cấp huyện, 03 công chức cấp xã, 03 viên chức sự nghiệp giáo dục, biệt phái đối với 02 viên chức; điều động, xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã và công chức, viên chức cấp huyện đối với 09 trường hợp; phê duyệt kết quả xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức đối với 02 trường hợp; điều động ra ngoài tỉnh đối với 01 viên chức.

5. Đầu tư cơ sở vật chất

UBND huyện đã cấp kinh phí cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại các xã, thị trấn với tổng số tiền 204 triệu đồng, bình quân mỗi xã, thị trấn 20,4 triệu đồng. Khoản kinh phí này chủ yếu dùng để hỗ trợ về trang phục, phụ cấp cho các công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại các xã, thị trấn.

6. Công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện nhiệm vụ của Tổ công tác kiểm tra công vụ về kiểm tra việc chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật tại các cơ quan, tổ chức và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ tại các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn, Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra đột xuất 05/10 xã (Thượng Quảng, Thượng Long, Hương Hữu, Hương Xuân và Thượng Nhật). Qua kiểm tra, các cán bộ, công chức đều thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc công vụ, xây dựng kế hoạch, lịch công tác đảm bảo theo quy định.

7. Về thực hiện tinh giản biên chế

Để thực hiện tốt chính sách tinh giản biên chế, Huyện ủy, UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị năm 2020. Đã thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với 09 cán bộ, công chức, viên chức với tổng kinh phí 898.091.978 đồng, trong đó: Huyện ủy đã thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với 03 cán bộ với kinh phí thực hiện 371.813.000 đồng. UBND huyện đã thực hiện tinh giản biên chế 06 cán bộ, công chức, viên chức (05 cán bộ, công chức cấp xã và 01 giáo viên) để hưởng chế độ theo chính sách tinh giản biên chế với kinh phí thực hiện 526.278.978 đồng.

8. Một số tồn tại, hạn chế

- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức được cử đi tham gia đào tạo, bồi dưỡng còn thấp.
- Việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, kiện toàn cán bộ một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn chậm.
- Việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa đảm bảo theo kế hoạch đặt ra.

B. Phương hướng, nhiệm vụ thực hiện các Chương trình trọng điểm 6 tháng cuối năm 2020

I. Chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện

1. Mục tiêu

Sản lượng lương thực có hạt đạt 1.796,5 tấn, trong đó thóc 1.498 tấn, ngô 298,5 tấn; giá trị vườn bình quân đạt 46,0 triệu đồng/ha/năm. Ổn định diện tích cao su hiện có, diện tích có chất lượng 2.450ha, sản lượng mủ nước đến cuối năm đạt 11.500 tấn. Phát triển đàn bò 3.000 con, ổn định đàn trâu 1.650 con; phát triển đàn lợn thêm 12.247 con để đạt 20.000 con/năm, trong đó đàn lợn nái 1.100 con; phát triển đàn gia cầm thêm 135.00 con để đạt 300.000 con/năm; chuồng trại đảm bảo yêu cầu đạt 100%. Nuôi thêm 2ha cá nước ngọt để đạt diện tích 60ha, phần đầu cả năm sản lượng nuôi trồng đánh bắt thủy sản đạt 250 tấn, trong đó nuôi

trồng 198 tấn. Trồng mới Cam Nam Đông thêm 45,53 ha để đạt 55 ha; trồng mới 20 ha chuối đặc sản và 14 ha dứa. Khai thác rừng trồng và trồng lại rừng đến cuối năm đạt 600ha; tổng sản lượng gỗ khai thác đạt 50.000 tấn gỗ nguyên liệu; trồng rừng gỗ lớn 100 ha. Mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn thêm 45,77 ha để đạt 200 ha. Làm giàu rừng và phát triển LSNG: Do hiện nay nguồn kinh phí cho hoạt động làm giàu rừng và phát triển LSNG tạm dừng để tập trung kinh phí cho phòng chống dịch Covid-19 nên tiếp tục kêu gọi các nguồn tài trợ từ các tổ chức khác để thực hiện. Hoàn thành thêm 01 nhà màn, nhà lười với diện tích 1.350 m² để đạt diện tích hơn 2.000 m².

2. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cấp xã đối với nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Các xã tiếp tục xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung Chương trình hành động, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 06NQ/HU ngày 23/6/2016 của BCH Đảng bộ huyện (khóa XV) về phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020.

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các dự án sản xuất; các sản phẩm chủ lực, có lợi thế của địa phương như trong Nghị quyết đã đề ra. Nghiên cứu bổ sung các chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp (cam, chuối đặc sản, dứa, rau sạch, rừng trồng gỗ lớn).

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân đối với chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; sản xuất các sản phẩm chủ lực có lợi thế của địa phương, nâng cao giá trị sử dụng đất, liên kết giữa hộ gia đình với hợp tác xã và doanh nghiệp; đầu tư thâm canh đúng kỹ thuật, quản lý chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo định hướng của Nghị quyết; rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp theo đúng pháp luật, quản lý đất nông nghiệp theo đúng quy hoạch, kế hoạch.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ sản xuất, bảo quản, chế biến. Chú trọng ứng dụng trong lĩnh vực tuyển chọn và sản xuất giống nông nghiệp, qui trình canh tác hữu cơ; sử dụng phân bón, chế phẩm sinh học; ứng dụng công nghệ nhà lưới - nhà màn, hệ thống tưới nước tiết kiệm. Đầu tư hỗ trợ mô hình điểm hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao công tác giống, canh tác, tự động hóa, bảo quản, chế biến với công nghệ phù hợp. Tiếp tục nghiên cứu, khảo nghiệm các giống mới, các giống đặc sản phù hợp với điều kiện sinh thái, có năng suất và chất lượng đáp ứng nhu cầu của thị trường phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong thời kỳ tới.

- Thực hiện đồng bộ các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, mỗi xã có ít nhất 01 hợp tác xã để hỗ trợ nông dân trong tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ, quản lý chất lượng, ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Tập trung hỗ trợ tư vấn các ngành hàng có lợi thế, nghiên cứu hình thành các chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực, thu hút lao động có trình độ vào làm việc ở hợp tác xã; thực hiện các chính sách hỗ trợ về đất đai, vốn, kỹ thuật, xúc tiến thương mại.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng nông sản; hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đăng ký tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, mẫu mã bao bì sản phẩm.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ xúc tiến tiêu thụ nông sản, tăng cường tổ chức diễn đàn quảng bá giới thiệu sản phẩm, kết nối, ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp với hợp tác xã, hộ gia đình đối với sản phẩm chủ lực. Tổ chức liên kết giữa cửa hàng tiêu thụ nông đặc sản với các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình trong sản xuất và tiêu thụ.

- Tranh thủ cơ hội các chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp để đẩy mạnh hỗ trợ phát triển nông nghiệp; xây dựng, hoàn chỉnh các dự án theo chuỗi giá trị để tranh thủ nguồn vốn. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các thành phần kinh tế tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước ủy thác qua Ngân hàng Chính sách - xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT; quản lý, thẩm định, giám sát các dự án phát triển sản xuất sử dụng vốn vay ưu đãi đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích, phát huy hiệu quả.

II. Chương trình NTM – giảm nghèo bền vững

1. Chương trình NTM

a) Chỉ tiêu

Nâng cao chất lượng các tiêu chí huyện NTM đã đạt (8/9 tiêu chí), tập trung thực hiện đạt tiêu chí Sản xuất của Bộ tiêu chí NTM huyện. củng cố, duy trì, nâng cao tỷ lệ các tiêu chí của các xã được công nhận đạt chuẩn NTM. Tập trung chỉ đạo xóa nhà tạm tại xã Thượng Nhật; làm thủ tục đề nghị công nhận xã Thượng Nhật đạt chuẩn NTM. Xây dựng xã Hương Hữu và Thượng Long đạt chuẩn từ 15 tiêu chí trở lên (tập trung các tiêu chí: CSVC văn hóa, TCSX, y tế, giáo dục, HTCT - TCPL). Xây dựng 01 xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu (xã Hương Xuân). Xây dựng 01 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao (xã Hương Lộc). Xây dựng các xã: Hương Phú, Hương Sơn đạt 3 - 4 tiêu chí của Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao. Xây dựng từ 01 - 02 thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu (Thôn 9, Thôn 10 xã Hương Xuân; Thôn Phú Nam xã Hương Phú). Thôn 3 xã Hương Lộc, thôn 7 xã Thượng Quảng đạt 5 tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu. Thôn Phú Nhuận xã Hương Xuân; thôn Ta Rung, Bha Bhar xã Hương Sơn đạt từ 3 - 4 tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu. Xây dựng từ 20 - 25 vườn đạt Bộ tiêu chí vườn mẫu.

b) Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

- Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch số 176/KH-UBND của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM năm 2020, duy trì các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM đạt 19/19 tiêu chí. Tập trung xây dựng xã Thượng Nhật đạt chuẩn NTM, các xã còn lại đạt 15 tiêu chí trở lên. Tập trung thực hiện mạnh các tiêu chí liên quan trực tiếp đến đời sống người dân như sản xuất để nâng cao thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo, nước sạch và vệ sinh môi trường, chuồng trại chăn nuôi, nâng cao tỷ lệ bảo hiểm y tế, hợp tác xã và liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; tìm kiếm quỹ đất, quy hoạch và quản lý nghĩa trang.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao tỷ lệ 8 tiêu chí đã đạt; tập trung chỉ đạo, thực hiện tiêu chí Sản xuất, đầu tư phát triển các vùng sản xuất các mặt hàng nông sản tập trung có chất lượng và lợi thế của huyện như: Cam, Dứa, Chuối đặc sản, các

loại vật nuôi, thủy sản có lợi thế; xây dựng thương hiệu hàng nông sản; tổ chức kết nối, tìm kiếm thị trường, kêu gọi doanh nghiệp để liên kết tiêu thụ các sản phẩm.

- Khoanh vùng, định hướng vùng sản xuất tập trung để tập trung chỉ đạo theo hướng trang trại, gia trại (*quy mô lớn*), tránh tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ.

- Chỉ đạo kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban quản lý cấp xã và phân công nhiệm vụ các thành viên; phát huy vai trò, trách nhiệm chỉ đạo thực hiện của từng thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý cấp xã để huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc chung tay xây dựng NTM.

- Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng NTM trong toàn thể cán bộ và nhân dân ở các xã; huy động nguồn lực của nhân dân để phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, nâng cấp nhà ở, sân vườn, hàng rào xanh, công trình vệ sinh; ngày công lao động để xây dựng các công trình công cộng.

- Tập trung chỉ đạo các cơ quan hướng dẫn, kiểm tra các xã thực hiện các tiêu chí, đặc biệt là các cơ quan thuộc lĩnh vực mình quản lý có các chỉ tiêu, tiêu chí xã chưa đạt chuẩn.

- Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Tập trung phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết, chú trọng xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu để quảng bá sản phẩm, làm tăng tính cạnh tranh của nông sản trên thị trường. Chỉ đạo thực hiện xây dựng các sản phẩm OCOP của năm 2020. Chỉ đạo xây dựng các hệ thống cung cấp dịch vụ gắn với tiêu thụ sản phẩm; tập trung nâng cao năng lực cho các Hợp tác xã.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề bằng nhiều hình thức; gắn công tác đào tạo nghề với giải quyết việc làm, đẩy mạnh hoạt động giới thiệu việc làm tạo điều kiện cho người lao động sau đào tạo tìm được việc làm.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ để góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động; Kêu gọi các doanh nghiệp trên địa bàn huyện đồng hành hỗ trợ các xã thực hiện xây dựng NTM, chú trọng hỗ trợ xóa nhà tạm và hỗ trợ hộ nghèo.

2. Chương trình giảm nghèo bền vững

- Hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm; chính sách giáo dục và đào tạo; y tế (BHYT, các chính sách khác liên qua về y tế ...); nhà ở và ưu tiên các nguồn lực xã hội để trợ giúp các hộ nghèo, cận nghèo xây dựng hồ xí, nhà tiêu hợp vệ sinh; tăng cường công tác truyền thông, giúp người nghèo tiếp cận các chính sách giảm nghèo, phổ biến các mô hình giảm nghèo có hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Lao động - TBXH mở lớp tập huấn về truyền thông về giảm nghèo ít nhất 04 lớp.

- Tranh thủ các nguồn lực của các cơ quan giúp đỡ hộ nghèo theo Kế hoạch số 16/KH-UBND của UBND tỉnh và Kế hoạch số 59/KH-UBND của UBND huyện để hỗ trợ các hộ thoát nghèo một cách bền vững.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu phân phối các nguồn hàng tài trợ, hỗ trợ đến đối tượng một cách có hiệu quả.

- Tổ chức Hội nghị sơ kết công tác giảm nghèo năm 2020 nhằm biểu dương, khen thưởng những cơ quan thực hiện tốt công tác giúp đỡ hộ nghèo và các hộ thoát nghèo tiêu biểu.

- Ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020; đồng thời chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, ban ngành thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2020.

III. Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

1. Chỉ đạo triển khai, thực hiện mạnh mẽ, đồng bộ các giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29 của Trung ương, Nghị quyết số 21 của Tỉnh ủy và Chương trình hành động số 17 của Huyện ủy. Tập trung chuẩn bị đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để triển khai thực hiện đổi mới nội dung chương trình và sách giáo khoa lớp 1 vào năm học 2020-2021.

2. Rà soát thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2030. Trong đó tập trung thực hiện chuyển các điểm lẻ của Trường Mầm non Thượng Long về cơ sở chính.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện đề án nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2021. Xây dựng đề án nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trường THCS Thị trấn Khe Tre.

4. Phối hợp với Sở Giáo dục-ĐT tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 trên địa bàn đúng quy chế, đảm bảo an toàn và hiệu quả. Chỉ đạo tổng kết năm học 2019-2020, triển khai kế hoạch năm học 2020-2021, đồng thời chỉ đạo các trường, các địa phương có giải pháp để tuyển sinh và huy động học sinh trong độ tuổi, học sinh bỏ học còn lại trên địa bàn đến trường đạt tỷ lệ cao.

5. Rà soát bổ nhiệm lại cán bộ quản lý giáo dục, điều động, luân chuyển, tuyển dụng cán bộ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học mới.

6. Tiếp tục đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học. Chỉ đạo thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình và kế hoạch của Sở Giáo dục -ĐT. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

7. Chỉ đạo tổ chức quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và tổ chức bồi dưỡng chính trị hệ cho toàn thể cán bộ giáo viên, công nhân viên chức của ngành giáo dục.

IV. Chương trình cải cách hành chính (Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức)

1. Tiếp tục bám sát các chỉ tiêu về đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch; chủ trì, phối hợp các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên tại huyện; rà soát cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng theo các tiêu chuẩn đã được quy định.

2. Tiếp tục rà soát, kiện toàn, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Huyện ủy, UBND huyện quản lý tại các cơ quan, đơn vị.

3. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện việc tuyển dụng viên chức ngành giáo dục theo kế hoạch năm học 2020-2021 đảm bảo đủ số lượng, vị trí việc làm theo quy định.

4. Thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý năm 2020; nhận xét, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn năm 2020. Tiếp tục lấy kết quả đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính; xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn; đánh giá xếp loại chất lượng hoạt động hàng năm của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn làm kết quả để đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã theo đúng mục tiêu đã đề ra.

6. Tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất để chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính; nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc tại cơ quan, đơn vị, triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch công tác.

7. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để các cán bộ, công chức, viên chức nắm rõ các nội dung, điều kiện, chế độ của chính sách tinh giản biên chế; đẩy mạnh thực hiện chính sách tinh giản tại các cơ quan, đơn vị theo đúng mục tiêu, kế hoạch đặt ra.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện các Chương trình trọng điểm 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ thực hiện 6 tháng cuối năm 2020./.

Nơi nhận:

- Thường vụ Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Các thành viên UBND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Các ngành liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Phụng